

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư **Bùi Anh N1** - Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố M1, thị trấn N, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị N2; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T4; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D2; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T5; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T6; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Chị Lê Thị L; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T2, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N2, anh Lê Thanh T4, chị Nguyễn Thị D2, anh Lê Thanh T5, anh Lê Thanh T6 và chị Nguyễn Thị L:

Anh **Lê Thanh T2**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn T1, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: Khối phố 1, phường A, thành phố T3, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Gia đình ông Lê Thanh T có 4 thửa đất, gồm thửa đất số 03, 81, 82 và 74, tờ bản đồ số 24, nằm cùng vị trí sát nhau, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) và đều trong vùng quy hoạch dự án Khu đô thị NR. Tuy nhiên, khi thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị NR, thì Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện D1 chỉ ra quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 03, số 81 và số 82 (loại đất nông nghiệp), mà không ra quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 24 (thửa 105, tờ bản đồ 11 cũ), có diện tích đo đạc thực tế là 1.163,2 m², loại đất thổ cư (ONT), mặc dù đất đã được thực hiện kiểm đếm, kiểm kê về đất đai, nhà, công trình, vật kiến trúc, mồ mả, cây cối, hoa màu, con vật nuôi để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với tất cả tài sản có trên 4 thửa đất nêu trên. Do không ra quyết định thu hồi đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 24 nên UBND huyện D1 không bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê Thanh T, mà chỉ hỗ trợ phân cây trồng và công trình trên đất.

Do đó, ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7464/QĐ-UBND ngày 25-9-2017 về thu hồi đất (quyết định này chỉ thu hồi ba thửa đất là số 03, số 81 và

82) và Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 về việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện D1 đối với hộ ông Lê Thanh T (quyết định này hỗ trợ phần cây trồng và công trình trên đất đối với cả 4 thửa đất, kể cả thửa đất số 74 chưa được thu hồi).

Tại phiên tòa ngày 15-11-2018, hộ ông Lê Thanh T được biết UBND huyện D1 cung cấp thêm chứng cứ là Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 về thu hồi đất của ông tại thửa đất số 105, tờ bản đồ 11, diện tích 915 m² (thửa đất số 74, tờ bản đồ 24 mới) và giao cho hộ ông Lê Thanh T diện tích 185,3 m², tại thửa đất số 524, tờ bản đồ 11. Tuy nhiên, gia đình ông Lê Thanh T không biết và cũng không nhận được quyết định này. Vì vậy, ông Lê Thanh T khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 26-6-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T: hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15-11-2008, hủy một phần Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 (đều của UBND huyện D1) đối với phần bồi thường, hỗ trợ liên quan đến thửa đất số 105, tờ bản đồ 11, diện tích 915 m² (theo bản đồ trích đo thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.163 m²); buộc UBND huyện D1 ban hành lại quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, đã được UBND huyện D1 cấp Giấy CNQSDĐ số G666549 ngày 10-8-1995 và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Lê Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện bản án hành chính nêu trên, ngày 22-7-2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 5959/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở và ban hành Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 7810/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR. Ông Lê Thanh T không đồng ý 02 quyết định này, với lý do:

- Đối với Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1:

Tại Quyết định này, UBND huyện D1 giao trách nhiệm cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện D1 chủ trì phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai D1, UBND xã D tiến hành bàn giao đất trên thực địa đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, theo hiện trạng diện tích đất đang sử dụng (diện tích đất thực tế còn lại sau sạt lở) cho hộ ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị N2.

Đối với nội dung này, hộ gia đình ông Lê Thanh T cho rằng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² (theo bản đồ trích đo thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.163 m²) của hộ gia đình ông sử dụng trước năm 1975, được cấp Giấy CNQSDĐ số G666549 ngày 10-8-1995 là thửa đất chưa được thu hồi, hiện trạng thực tế hộ gia đình ông vẫn đang quản lý sử dụng, canh tác hợp pháp theo Giấy CNQSDĐ đã được cấp, chưa có cơ quan nào có quyết định thu hồi. Vậy, Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 giao cho Phòng Tài nguyên và môi trường chủ trì phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai D1, UBND xã D tiến hành bàn giao đất trên thực địa theo hiện trạng sau khi sạt lở là không đúng quy

định của pháp luật. Thửa đất của hộ gia đình ông được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đang sử dụng hợp pháp, không phải do UBND quản lý, nên không thể nào bàn giao cho hộ ông theo ý chí chủ quan của UBND huyện D1 được.

Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 giao Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai D1 phối hợp với UBND xã D thu hồi Giấy CNQSDĐ số phát hành AN 599110, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ H 00105 do UBND huyện D1 cấp ngày 25-11-2008 cho hộ ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2. Yêu cầu hộ ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2 phải nộp lại Giấy CNQSDĐ số AN 599110 là không đúng, bởi lẽ: tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã khẳng định rõ tại phần nhận định của bản án (trang 6) đã cho thấy thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11, diện tích 185,3 m² (được cấp Giấy CNQSDĐ số phát hành AN 599110, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ H 00105) là thửa đất được cấp Giấy CNQSDĐ do gia đình khai hoang và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, toàn bộ hồ sơ xin giao đất làm nhà ở, xin cấp Giấy CNQSDĐ đều thực hiện trước khi có Quyết định thu hồi đất số 2012/QĐ-UBND, chứ không phải thửa đất được cấp Giấy CNQSDĐ theo Quyết định số 2012/QĐ-UBND. Do đó, khi bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND không phải là hủy việc cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 524 (chỉnh lý tại thửa đất số 762), nên UBND huyện D1 yêu cầu hộ gia đình ông nộp lại Giấy CNQSDĐ số phát hành AN 599110, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ H 00105 đối với thửa đất số 524 là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật và làm trái bản án của Tòa án.

Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 yêu cầu hộ ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị N2 nộp lại Giấy CNQSDĐ số phát hành G 666549 do UBND huyện D1 cấp ngày 10-8-1995 và yêu cầu hộ gia đình ông xác lập các thủ tục liên quan để công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ. Trường hợp, hộ ông Lê Thanh T không nộp lại Giấy CNQSDĐ thì thực hiện việc hủy Giấy CNQSDĐ. Hộ gia đình ông Lê Thanh T đang sử dụng đất hợp pháp tại thửa đất số 105, tờ bản đồ 11, diện tích 915 m² đất thổ cư (theo bản đồ trích đo thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 1.163 m²), thửa đất này được UBND huyện D1 cấp Giấy CNQSDĐ số G666549, ngày 10-8-1995 và thửa đất chưa có Quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không thuộc các trường hợp phải thu hồi Giấy CNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, bản án của Tòa án cũng không tuyên phải thu hồi Giấy CNQSDĐ của hộ ông Lê Thanh T theo khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Tuy nhiên, Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 lại căn cứ vào khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để hủy Giấy CNQSDĐ là không đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 của UBND huyện D1:

Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 của UBND huyện D1 điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR, tại phần bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống là 18.000.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật, bởi lý do sau: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 22 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số

19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017, thì phần tiền hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất như sau: Khi thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp, thì phải hỗ trợ thời gian ổn định đời sống là 24 tháng, số tiền 500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi nhân khẩu trong hộ và theo Quyết định số 7464/QĐ-UBND ngày 25-9-2017 của UBND huyện D1, thì hộ ông Lê Thanh T bị thu hồi hết diện tích đất nông nghiệp, phải di chuyển chỗ ở, thuộc trường hợp được hỗ trợ 24 tháng để ổn định đời sống. Hộ ông Lê Thanh T khi sử dụng đất nông nghiệp tại các thửa đất số 03, số 81 và số 82 gồm có các nhân khẩu trong hộ từ lúc sử dụng trước năm 1980 đến nay, gồm có cha mẹ và các con theo hồ sơ nhân khẩu có lưu tại UBND xã, nhưng trước khi có Quyết định thu hồi đất số 7464, thì vợ chồng anh Lê Thanh T4 đã ở riêng, còn lại hộ ông Lê Thanh T sử dụng chung các thửa đất trên (không có nơi ở khác, cùng sống chung, sử dụng đất ao vườn, nuôi trồng thủy sản chung trong hộ) gồm có vợ chồng ông Lê Thanh T, vợ chồng các anh Lê Thanh T6, Lê Thanh T2, Lê Thanh T5 (không kể các cháu nhỏ). Như vậy, trong hộ ông Lê Thanh T có tổng cộng 6 nhân khẩu x 24 tháng x 500.000 đồng/tháng = 72.000.000 đồng (việc xác định nhân khẩu trong hộ được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3219). Nhưng quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 chỉ bồi thường, hỗ trợ số tiền ổn định đời sống là 18.000.000 đồng là không đúng nên cần phải bồi thường lại theo đúng quy định.

Do đó, người khởi kiện là ông Lê Thanh T yêu cầu Tòa án:

+ Hủy Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở;

+ Hủy Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 của UBND huyện D1 về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải quyết mặt bằng thực hiện dự án: Khu đô thị NR (đợt 1);

+ Buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định, thực hiện đúng Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HCST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện trình bày:

Căn cứ Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HCST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, UBND huyện D1 đã ban hành Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở; ban hành Quyết định số 5990/QĐ-UBND ngày 23-7-2019 về việc phê duyệt điều chỉnh giá trị bồi thường của hộ Lê Thanh T tại Quyết định số 7515/QĐ-UBND ngày 25-9-2017 của UBND huyện D1 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ công trình Khu đô thị NR (đợt 1); Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T.

Tại Điều 3 Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 yêu cầu ông Lê Thanh T nộp lại các Giấy CNQSDĐ để thực hiện đăng ký biến động

quyền sử dụng đất theo quy định và xác lập các hồ sơ thủ tục liên quan để công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Thanh T, nhưng hộ ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2 không chấp hành và không phối hợp trong quá trình thực hiện kiểm kê, kiểm đếm hiện trạng theo quy định.

Về diện tích đất tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 là 185,3 m², gia đình ông Lê Thanh T cho rằng do tự khai hoang, nhưng UBND huyện D1 và Chi cục định canh, định cư tỉnh Quảng Nam đã thực hiện hỗ trợ di dời và bố trí đất tái định cư khỏi khu vực xói lở. Gia đình ông Lê Thanh T có nhận và di dời vào làm nhà ở thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 này và UBND huyện D1 hướng dẫn làm thủ tục kê khai để được Giấy CNQSDĐ. Tại Đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ ngày 20-6-2007, ông Lê Thanh T ghi rõ Nhà nước giao đất theo diện xói lở, theo đúng Quyết định số 2012. Tại phiên tòa, ông Lê Thanh T2 cho rằng thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 không liên quan đến Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 là không đúng. Do Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 đã bị hủy, nội dung giao thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 miễn tiền sử dụng đất cho hộ phải di dời do xói lở cũng bị hủy nên phải thu hồi Giấy CNQSDĐ và làm lại thủ tục cấp lại Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Thanh T đối với thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 là đúng quy định. Việc giao theo hiện trạng là thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của UBND huyện D1. Do hộ gia đình ông Lê Thanh T không hợp tác, nên UBND huyện D1 chưa tiến hành thủ tục ra quyết định thu hồi đất kịp thời và gia đình ông Lê Thanh T đã khởi kiện. Sau vụ kiện này, UBND huyện D1 sẽ tiếp tục tiến hành thủ tục thu hồi, bồi thường theo quy định.

Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 và Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 đều của UBND huyện D1 được ban hành theo đúng quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HCST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện D1 đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 16-6-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”, với các nội dung: Hủy Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở; hủy Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 của UBND huyện D1 về việc Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải quyết mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 1); buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định, thực hiện đúng Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HCST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho

gia đình ông Lê Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 16-6-2010, người khởi kiện là ông Lê Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Thanh T2 và bà Nguyễn Thị N2 kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, ngày 16-6-2010, người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên các nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quyết định hành chính đã ban hành. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Đối với việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 1):

Gia đình ông Lê Thanh T được UBND huyện D1 cấp Giấy CNQSDĐ đối với 04 thửa đất (thửa đất số 03, 81, 82 và 74, tờ bản đồ số 24). Do thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24 (thửa đất số 105, tờ bản đồ 11 cũ) bị xói lở nên ngày 25-11-2008, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 2012/QĐ-UBND: thu hồi thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² với lý do: đất sạt lở tự nhiên; đồng thời, thu hồi thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11, diện tích 185,3 m² do UBND xã D quản lý và giao thửa đất này (chính lý thành thửa đất số 762) cho hộ ông Lê Thanh T để xây dựng nhà ở, được miễn tiền sử dụng đất.

Để thực hiện dự án Khu đô thị NR; ngày 25-9-2017, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 7464/QĐ-UBND thu hồi 03 (ba) thửa đất còn lại của hộ ông Lê Thanh T (thửa đất số 3, thửa đất số 81 và thửa đất số 82, cùng tờ bản đồ số 24) và ngày 06-10-2017, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 7810/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR, với tổng số tiền là 457.248.802 đồng.

Cho rằng, UBND huyện D1 chỉ ra quyết định thu hồi đất đối với 03 thửa đất (số 03, 81 và 82, cùng tờ bản đồ số 24), mà không thu hồi đất đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ 24 (thửa 105, tờ bản đồ 11 cũ), có diện tích đo đạc thực tế là 1.163,2 m², loại đất thổ cư (ONT) là không đúng, nên ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7464/QĐ-UBND ngày 25-9-2017 và Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày

06-10-2017 (nêu trên). Tại phiên tòa ngày 15-11-2018, ông Lê Thanh T mới biết UBND huyện D1 cung cấp Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 về thu hồi đất của ông tại thửa đất số 105, tờ bản đồ 11, diện tích 915 m² (cũ) và giao cho hộ gia đình ông thửa đất số 524, tờ bản đồ 11, có diện tích 185,3 m² (thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 mới), nhưng gia đình ông không nhận được quyết định này. Do đó, ông Lê Thanh T đã khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST Ngày 26-6-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *“Hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15-11-2008 của UBND huyện D1 về việc thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở, hủy một phần Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 đối với phần bồi thường, hỗ trợ liên quan đến thửa đất số 105, tờ bản đồ 11, diện tích 915 m² (theo bản đồ trích đo thuộc thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.163 m²); buộc UBND huyện D1 ban hành lại quyết định thu hồi đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, đã được UBND huyện D1 cấp Giấy CNQSDĐ số G666549 ngày 10-8-1995 và quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Lê Thanh T theo đúng quy định của pháp luật”*.

Thực hiện bản án hành chính nêu trên; ngày 22-7-2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 5959/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008, với lý do: *“Trong quá trình triển khai thực hiện các hồ sơ thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, giao đất thuộc diện di dời tái định cư vùng có nguy cơ xói lở đối với hộ ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2, các cơ quan chức năng thực hiện không đúng quy định”* và ngày 24-7-2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 6053/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để giải quyết mặt bằng thực hiện dự án: Khu đô thị NR (đợt 1), theo đó tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T là 196.720.577 đồng.

[2.2]. Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 về thu đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở:

Hộ ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị N2 được UBND huyện D1 cấp Giấy CNQSDĐ số G 666549 ngày 10-8-1995 đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24 mới), loại đất thổ cư. Do thửa đất này bị sạt lở nên ngày 25-11-2008, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 2012/QĐ-UBND, thu hồi thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² với lý do: đất sạt lở tự nhiên; đồng thời, thu hồi thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11, diện tích 185,3 m² (thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 mới) do UBND xã D quản lý rồi giao cho hộ ông Lê Thanh T để xây dựng nhà ở, được miễn tiền sử dụng đất và ngày 25-11-2008 cấp Giấy CNQSDĐ số AN 599110 đối với thửa đất này cho hộ ông Lê Thanh T.

Thực hiện Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST Ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; ngày 22-7-2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 5959/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày

25-11-2008. Như vậy, việc UBND huyện D1 hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 đồng nghĩa với việc hộ ông Lê Thanh T được tiếp tục sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11, diện tích 915 m² (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24 mới), loại đất thổ cư theo Giấy CNQSDĐ số G 666549 do UBND huyện D1 cấp ngày 10-8-1995 và đồng nghĩa với việc hủy bỏ việc giao đất tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 mới), diện tích 185,3 m² theo Giấy CNQSDĐ số AN 599110 ngày 25-11-2008.

Tại Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019, UBND huyện D1 yêu cầu các cơ quan tiến hành bàn giao đất trên thực địa đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24 mới), theo hiện trạng diện tích đất đang sử dụng (diện tích đất thực tế còn lại sau sạt lở) và yêu cầu hộ ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2 nộp lại Giấy CNQSDĐ số G 666549 cấp ngày 10-8-1995 để thực hiện việc thu hồi đất lại theo dự án Khu đô thị NR; yêu cầu hộ ông Lê Thanh T nộp lại Giấy CNQSDĐ số AN 599110 ngày 25-11-2008 để thực hiện lại việc cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa 524, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 mới), diện tích 185,3 m² là thực hiện đúng chức năng quản lý Nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 của Luật Đất đai 2013 và không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Lê Thanh T. UBND huyện D1 thực hiện các thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 24 mới) theo quy định, nhưng do gia đình ông Lê Thanh T không hợp tác, nên việc ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Lê Thanh T bị chậm, nhưng UBND huyện D1 đang tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mặc dù, Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 đã bị hủy bỏ, nhưng có thể hiện nội dung hộ ông Lê Thanh T được giao đất miễn nộp tiền sử dụng đất (do thuộc trường hợp để xây dựng nhà ở cho người phải di dời do thiên tai). Tuy việc di dời, tái định cư do xói lở đất được thực hiện từ trước, đến năm 2007 mới lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Thanh T là có sai sót của UBND huyện D1, nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc là thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 cũ), diện tích 185,3 m² có nguồn gốc do Nhà nước giao theo diện di dời xói lở. Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam buộc UBND huyện D1 hủy Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008, bao gồm hủy nội dung giao đất tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 cũ), diện tích 185,3 m² đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê Thanh T, nên thuộc trường hợp thu hồi Giấy CNQSDĐ được quy định tại khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Nếu hộ ông Lê Thanh T không chấp hành, thì cơ quan có thẩm quyền có quyền hủy Giấy CNQSDĐ này là đúng quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định nêu trên. Vì vậy, nội dung tại Điều 3 của Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 của UBND huyện D1 yêu cầu hộ ông Lê Thanh T nộp lại Giấy CNQSDĐ số AN 599110 ngày 25-11-2008 để thực hiện việc thu hồi và cấp lại Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 762, tờ bản đồ số 11 (thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 cũ), diện tích 185,3 m² cho hộ ông Lê Thanh T và quy định chế tài của việc không chấp hành là có căn cứ.

[2.3]. Đối với kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày

24-7-2019 của UBND huyện D1 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo rút nội dung kháng cáo này, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Như vậy, kháng cáo của các đương sự đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh Lê Thanh T2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị N2 là người cao tuổi, do đó được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Thanh T; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Thanh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N2.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HCST ngày 16-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T về yêu cầu: Hủy Quyết định số 5959/QĐ-UBND ngày 22-7-2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 25-11-2008 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở; hủy Quyết định số 6053/QĐ-UBND ngày 24-7-2019 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 06-10-2017 của UBND huyện D1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Thanh T để phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị NR (đợt 1) và buộc UBND huyện D1 thực hiện đúng Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2019/HC-ST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông Lê Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 349; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Anh Lê Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng

được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002509 ngày 17-7-2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí; anh Lê Thanh T2 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N2 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo đ/chỉ);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường